

Bản án số: 1252/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 12-6-2026

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Hoa.

Bà Trương Thị Hồng Phương.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh – Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 434/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2026 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 628/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 523/2026/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Dương Ngọc Á, sinh năm 1976; địa chỉ nơi ở hiện tại: đường Q, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1971; địa chỉ thường trú: đường K, khu phố X, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ nơi ở hiện tại: đường Q, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 3 năm 2026 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Trần Thị Dương Ngọc Á trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn Đ chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số: 103 quyển số: 1/97 của Ủy ban nhân dân Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 10 năm 1997.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân là do vợ chồng có lối sống khác biệt, thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng rất ít khi nói chuyện với nhau. Vợ chồng đã cố gắng hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Bà biết ông Đ có mong muốn hòa giải đoàn tụ tuy nhiên bà không muốn tiếp tục cuộc sống vợ chồng. Bà xác định hiện nay không còn tình cảm với ông Đ nữa. Bà cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã không thể hàn gắn tình cảm nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống riêng của mỗi người.

Về con chung: Bà Á xác nhận cả hai có 02 con chung tên là Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 25/02/1998 và Nguyễn Đức T, sinh ngày 01/5/2004. Các con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Á không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Á không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Á tự nguyện tìm hiểu và quen biết nhau từ năm 1997, cả hai tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian đầu, vợ chồng ông chung sống hòa thuận và rất hạnh phúc. Sau đó có thời gian phát sinh bất đồng quan điểm sống và sinh hoạt không như ý nên gây ra mâu thuẫn, vợ chồng ít có sự tương tác hơn trước. Theo ông, những mâu thuẫn này chưa đến mức trầm trọng, chủ yếu là sự hiểu lầm và thiếu sự tin tưởng lẫn nhau. Ông nhận thấy tình cảm của vợ chồng ông vẫn còn nên hiện tại vẫn chung sống và sinh hoạt chung, vẫn chăm sóc cho nhau. Bản thân ông vẫn mong muốn gia đình được đoàn tụ, vợ chồng cùng nhau khắc phục mâu thuẫn để cùng nuôi dạy con cái. Ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông Đ xác nhận cả hai có 02 con chung tên là Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 25/02/1998 và Nguyễn Đức T, sinh ngày 01/5/2004. Các con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn là bà Trần Thị Dương Ngọc Á có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ông Đ vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày, ông không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm với bà Á và mong muốn đoàn tụ gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay,

Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Bà Trần Thị Dương Ngọc Á được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ; về con chung: Cả hai xác nhận có 02 con chung tên là Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 25/02/1998 và Nguyễn Đức T, sinh ngày 01/5/2004. Các con chung đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 103 quyển số: 1/97 của Ủy ban nhân dân Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 10 năm 1997 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Dương Ngọc Á và ông Nguyễn Văn Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được Luật Hôn nhân và Gia đình điều chỉnh.

Căn cứ đơn khởi kiện của bà Trần Thị Dương Ngọc Á thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Tại thời điểm nộp đơn khởi kiện, bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ thực tế cư trú tại phường A, Thành phố Hồ Chí Minh nên tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là bà Trần Thị Dương Ngọc Á có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Dương Ngọc Á và ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 15 tháng 10 năm 1997 tại Ủy ban nhân dân Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh nên quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Dương Ngọc Á và ông Nguyễn Văn Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà Á cho rằng, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về tính cách, quan điểm sống nên thời gian này dù vẫn sống chung nhưng vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung, ít khi nói chuyện với nhau, không ai quan tâm đến ai. Dù đã cố gắng giải quyết bất đồng và hàn gắn tình cảm nhưng tình cảm vợ chồng không còn, không khí gia đình ngột ngạt gây mệt mỏi cho

mọi thành viên trong gia đình. Bà Á xác định không còn tình cảm với ông Đ, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn. Ông Đ không đồng ý ly hôn vì cho rằng vợ chồng chỉ mâu thuẫn nhỏ, việc đó là rất bình thường và mong muốn đoàn tụ. Đến bây giờ ông vẫn không biết lý do vì sao bà Á yêu cầu ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã động viên hòa giải và cho các bên thời gian để hàn gắn đoàn tụ nhưng không thành, bà Á vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Đ không đồng ý ly hôn và muốn đoàn tụ gia đình nhưng lại không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, hàn gắn hạnh phúc gia đình hay có thể thuyết phục được bà Á quay trở về đoàn tụ.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau, yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau xây dựng mái ấm gia đình, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con cái. Tuy nhiên, vì không còn tình cảm bà Á không muốn tiếp tục cuộc sống vợ chồng và vẫn một mực xin được ly hôn do vợ chồng không còn tin tưởng nhau, không còn yêu thương, chia sẻ, thấu hiểu. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Á và ông Đ là có thực, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Dương Ngọc Á là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại các Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung:

Căn cứ giấy khai sinh số 75 quyển số 1/98 cấp ngày 11/4/1993 và số 131 quyển số 01/2004 cấp ngày 12/5/2004 của Ủy ban nhân dân Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh cùng lời khai của bà Trần Thị Dương Ngọc Á và ông Nguyễn Văn Đ, xác định được: Cả hai có 02 con chung tên là Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 25/02/1998 và Nguyễn Đức T, sinh ngày 01/5/2004. Xét thấy, con chung đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Trần Thị Dương Ngọc Á phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bà Trần Thị Dương Ngọc Á đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Các điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Dương Ngọc Á:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Dương Ngọc Á được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

(Giấy chứng nhận kết hôn số: 103 quyển số: 1/97 của Ủy ban nhân dân Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 10 năm 1997 hết hiệu lực).

- Về con chung: Cả hai có 02 con chung tên là Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 25/02/1998 và Nguyễn Đức T, sinh ngày 01/5/2004. Các con chung đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng do bà Trần Thị Dương Ngọc Á phải chịu, được trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0014604 ngày 09/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Dương sự đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Thị Dương Ngọc Á được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.H;
- VKSND Khu vực 7-Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đường sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tuyết Mai